

MỘT SỐ BẤT CẬP VỀ QUY ĐỊNH PHIÊN HỢP KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP, TIẾP CẬN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ VÀ HÒA GIẢI

TRƯƠNG MINH TÂN*

Việc ghi nhận thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm giúp cho các đương sự có được quyền tiếp cận chứng cứ, từ đó có thể bảo vệ được quyền lợi của chính mình; mặt khác, còn thể hiện nguyên tắc xét xử công khai của Tòa án, đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng dân sự. Bài viết đưa ra một số vướng mắc, bất cập trong thực tiễn áp dụng và nêu ý kiến cá nhân nhằm góp phần hoàn thiện quy định này.

Từ khóa: Phiên họp hòa giải; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đương sự.

Nhận bài: 14/5/2019; biên tập xong: 25/5/2019; duyệt bài: 03/6/2019.

1. Về trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là một thủ tục tố tụng được ghi nhận trong Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015. Việc ghi nhận thủ tục tố tụng này có ý nghĩa nhằm giúp đương sự có thể tiếp cận được các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, từ đó giúp đương sự bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình một cách tốt nhất. Tuy nhiên, theo quan điểm của tác giả thì trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ như hiện nay là chưa hợp lý.

Theo Từ điển Tiếng Việt thì thuật ngữ “*tiếp cận*” mang tính chất là một động từ chỉ hành vi “*tiến sát gần*”, còn đối với thuật ngữ “*công khai*” có nghĩa là “*không giữ kín, không giấu giếm mà để cho mọi người đều có thể biết*”. Trước đây, BLTTDS chỉ ghi nhận quyền được biết, ghi chép và sao chụp tài liệu chứng cứ của đương sự mà không bắt buộc Tòa án phải tiến hành công khai các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án (điểm đ khoản 2 Điều 58 BLTTDS năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm

*Thạc sĩ, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

2011). Do vậy, nếu đương sự nào cần tiếp cận tài liệu, chứng cứ gì trong hồ sơ vụ án thì Tòa án mới công khai, tức là cho phép đương sự được quyền biết, ghi chép và sao chụp, photo tài liệu, chứng cứ nhưng việc công khai này không phải là thủ tục bắt buộc, không cần phải lập biên bản và không cần phải công khai cho tất cả đương sự mà chỉ công khai cho người yêu cầu tiếp cận chứng cứ.

Tuy nhiên, BLTTDS năm 2015 đã bỏ sung thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bên cạnh thủ tục hòa giải như BLTTDS trước đây đã quy định. Điều đó có nghĩa là việc công khai tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện của Tòa án và sau khi công khai tài liệu, chứng cứ thì đương sự có quyền được tiếp cận tài liệu, chứng cứ. Đồng thời, việc quy định trình tự phiên họp công khai chứng cứ trước, sau đó mới đến quyền tiếp cận chứng cứ của đương sự thể hiện mọi tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đều phải được công khai trước chứ không phải đương sự tiếp cận chứng cứ rồi thì Tòa án mới công khai. Chính vì vậy, theo chúng tôi, pháp luật cần phải sửa đổi lại trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ như hiện nay. Theo đó, pháp luật nên ghi nhận là thủ tục *phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai, tiếp cận chứng cứ*; có như vậy mới đảm bảo mọi tài liệu, chứng cứ phải được Tòa án bắt buộc công khai trước, sau đó mới đến quyền tiếp cận chứng cứ của đương sự trong vụ án.

2. Về điều kiện để tiến hành phiên họp khi có đương sự vắng mặt

Tại khoản 3 Điều 209 BLTTDS năm

2015 quy định: “Trong vụ án có nhiều đương sự mà có đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự có mặt vẫn đồng ý tiến hành phiên họp và việc tiến hành phiên họp đó không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì Thẩm phán tiến hành phiên họp giữa các đương sự có mặt; nếu các đương sự đề nghị hoãn phiên hòa giải để có mặt tất cả các đương sự trong vụ án thì Thẩm phán phải hoãn phiên họp. Thẩm phán phải thông báo việc hoãn phiên họp và việc mở lại phiên họp cho đương sự”. Điều đó có nghĩa là trong một vụ án có nhiều đương sự nhưng có đương sự vắng mặt tại phiên họp thì để mở phiên họp theo quy định tại khoản 3 Điều 209 BLTTDS năm 2015 thì phải đáp ứng hai điều kiện đó là các đương sự có mặt đồng ý mở phiên họp và việc mở phiên họp không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của đương sự vắng mặt. Nhưng nếu một trong các đương sự có mặt đề nghị hoãn phiên hòa giải thì Tòa án phải hoãn phiên họp.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản pháp luật nào giải thích rõ đương sự vắng mặt là thuộc trường hợp đương sự vắng mặt lần đầu, lần thứ hai hay lần thứ mấy; đồng thời pháp luật cũng chưa giải thích việc vắng mặt trên là có lý do chính đáng hay không? Việc quy định trên có ý nghĩa rất lớn trong việc áp dụng khoản 2 Điều 208 BLTTDS năm 2015, tức là Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do không tiến hành hòa giải được mà không phải hoãn phiên họp hoặc tiến hành phiên họp khi thỏa mãn điều kiện như quy định tại khoản 3 Điều 209 BLTTDS năm 2015.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 208 BLTTDS năm 2015 thì: “Trường hợp vụ án

dân sự không được hòa giải hoặc không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Bộ luật này thì Thẩm phán tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải". Như vậy, trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên họp thì Tòa án phải xác định là đương sự thuộc khoản 1, khoản 2 Điều 207 BLTTDS năm 2015 để Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ do không tiến hành hòa giải được hay phải hoãn phiên họp hoặc tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ khi thỏa mãn điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 209 BLTTDS năm 2015. Để phân định được vấn đề trên đòi hỏi chúng ta phải xác định các trường hợp đương sự vắng mặt trong các tình huống sau:

Thứ nhất, trong trường hợp đương sự vắng mặt lần đầu có lý do chính đáng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 207 BLTTDS năm 2015 thì khi đương sự không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng thì thuộc trường hợp Tòa án không thể tiến hành hòa giải và Tòa án buộc phải mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, pháp luật không giải thích là đương sự không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng lần thứ nhất hay lần thứ hai. Chúng tôi cho rằng, trong trường hợp đương sự không thể tham gia hòa giải được lần đầu vì có lý do chính đáng và Tòa án có căn cứ cho rằng đương sự không thể tham gia hòa giải được nữa thì thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Ví dụ: A kiện B đòi lại tiền vay, Tòa án xác định C (vợ của B) là người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên đã đưa C tham gia với tư cách là đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu thì C không thể tham gia phiên họp vì lý do sức khỏe. Giả sử trước đó C đã có bản tự khai gửi Tòa án, đồng thời C cũng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt tại các phiên họp và xét xử tại phiên tòa. Do vậy, trong trường hợp này, mặc dù C được Tòa án triệu tập lần đầu vắng mặt có lý do chính đáng và Tòa án xác định có căn cứ cho rằng C không thể tham gia phiên họp tiếp theo. Chính vì thế trong trường hợp trên, Tòa án phải xác định là vụ án dân sự không thể tiến hành hòa giải được và phải tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chứ không thể hoãn phiên họp hoặc tiến hành phiên họp nếu thỏa mãn điều kiện như quy định tại khoản 3 Điều 209 BLTTDS năm 2015. Điều đó cũng có nghĩa là Tòa án có quyền đưa vụ án ra xét xử mà không cần phải mở lại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Ngược lại, nếu tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu đương sự vắng mặt có lý do chính đáng nhưng Tòa án không có căn cứ cho rằng đương sự không thể tham gia vụ án tiếp tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai thì Tòa án nên áp dụng khoản 3 Điều 209 BLTTDS năm 2015.

Thứ hai, trong trường hợp đương sự vắng mặt lần đầu không có lý do chính đáng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS năm 2015 thì trong trường hợp

đương sự vắng mặt lần hai mà cố tình vắng mặt thì mới thuộc trường hợp vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Điều đó có nghĩa là khi đương sự vắng mặt lần đầu không có lý do chính đáng thì cần phải áp dụng khoản 3 Điều 209 BLTTDS năm 2015 để hoãn phiên họp hoặc tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nếu thỏa mãn điều kiện nhất định.

Vấn đề đặt ra trong trường hợp này là nếu Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì Tòa án có quyền đưa vụ án ra xét xử hay không? Theo ý kiến của chúng tôi, để đảm bảo quyền và lợi ích của người vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần đầu thì Tòa án nên mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lần hai chứ không thể đưa vụ án ra xét xử.

Thứ ba, trong trường hợp đương sự vắng mặt lần hai có lý do chính đáng.

Như đã phân tích, tại khoản 2 Điều 207 BLTTDS năm 2015 chỉ quy định trong trường hợp đương sự không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng là thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nhưng lại không giải thích là không thể tham gia hòa giải có lý do chính đáng lần thứ mấy. Tuy nhiên, để tránh vụ án kéo dài, trong trường hợp đương sự vắng mặt lần hai có lý do chính đáng thì cũng thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được và điều đó cũng đồng nghĩa là áp dụng khoản 2 Điều 208 BLTTDS năm 2015 chứ không phải áp dụng khoản 3 Điều 209 BLTTDS năm 2015.

Chúng tôi cho rằng, để vụ án được giải quyết nhanh chóng, đúng thời hạn luật

định thì trong trường hợp đương sự vắng mặt lần hai có lý do chính đáng hoặc không có lý do chính đáng thì cũng thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được và Tòa án phải mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo khoản 2 Điều 208 BLTTDS năm 2015. Điều đó cũng có nghĩa là việc triệu tập lần thứ ba của Tòa án đối với đương sự vắng mặt là không cần thiết.

Từ những phân tích trên, cần có hướng dẫn cụ thể quy định tại khoản 3 Điều 209 BLTTDS năm 2015, đó là áp dụng trong trường hợp đối với đương sự vắng mặt lần đầu không có lý do chính đáng hoặc có lý do chính đáng nhưng Tòa án không có căn cứ xác định rằng đương sự không thể tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tiếp theo.

3. Về quyền đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải

Hiện nay, có hai ý kiến khác nhau về quy định quyền phản tố của bị đơn trước thời điểm mở phiên họp.

Ý kiến thứ nhất cho rằng, bị đơn nếu có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn thì phải trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu tiên. Bởi lẽ, chính bị đơn là người hiểu rõ nguyên đơn có nghĩa vụ lại đối với chính mình. Vì vậy, để tránh vụ án kéo dài thì pháp luật quy định đòi hỏi bị đơn phải có yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Trước đây, BLTTDS năm 2004 (sửa

đôi, bổ sung năm 2011) quy định bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, BLTTDS năm 2015 đã quy định cụ thể thời điểm đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn là trước phiên họp. Quy định này nhằm giúp cho việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn của Tòa án được chủ động và hợp lý hơn, rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

Ý kiến thứ hai cho rằng, quyền đưa ra yêu cầu phản tố của bị đơn không bắt buộc phải trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu, bởi lẽ:

Một là, quyền yêu cầu phản tố của bị đơn là quyền yêu cầu khởi kiện ngược lại của bị đơn đối với nguyên đơn. Tuy nhiên, không phải bị đơn nào cũng hiểu rõ quy định pháp luật mà có yêu cầu phản tố. Thực tế cho thấy, sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu thì bị đơn mới hiểu rõ quyền phản tố và có yêu cầu phản tố. Như vậy, nếu pháp luật quy định quyền phản tố của bị đơn trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu là không đảm bảo quyền yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn.

Hai là, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 BLTTDS năm 2015 thì pháp luật chỉ quy định quyền yêu cầu phản tố của bị đơn trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng lại không giải thích rõ là trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ mấy. Đồng thời, hiện nay pháp luật cũng không có

quy định nào bắt buộc khi giải quyết vụ án thì đòi hỏi Tòa án phải mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bao nhiêu lần. Do vậy, theo ý kiến này thì yêu cầu phản tố của bị đơn không bắt buộc phải trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu.

Chúng tôi cho rằng, ý kiến thứ hai là hợp lý. Bởi lẽ, để đảm bảo quyền lợi của bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, đảm bảo việc giải quyết vụ án của Tòa án được toàn diện, triệt để thì pháp luật không nên quy định thời điểm yêu cầu phản tố của bị đơn trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần đầu. Tuy nhiên, để đảm bảo vụ án được giải quyết nhanh chóng, giúp Tòa án chủ động trong việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn, giúp nguyên đơn có thể tiếp cận sớm tài liệu, chứng cứ của bị đơn đưa ra thì pháp luật không thể quy định quyền yêu cầu phản tố của bị đơn trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử như BLTTDS trước đây.

Theo đó, yêu cầu phản tố của bị đơn trước thời điểm phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai là hợp lý, bởi lẽ, quy định trên vừa đảm bảo quyền yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn vừa đảm bảo vụ án được giải quyết nhanh chóng.

4. Về quy định thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

Theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS năm 2015 thì trong trường hợp

(Xem tiếp trang 46)

không phạm tội, mà theo quy định tại khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015 quy định: “Phạm tội mới” có nghĩa là vi phạm pháp luật hình sự chứ không đồng nghĩa với “kết tội là do Tòa án ra bản án kết tội một người nào đó phạm tội” nên không cần thiết phải có bản án đã có hiệu lực pháp luật thì mới cho rằng Nguyễn Văn H có phạm tội hay không phạm tội như ý kiến thứ nhất đã nêu.

Từ những khó khăn, vướng mắc nêu trên, để áp dụng pháp luật được thống

nhất, tác giả đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoặc có hướng dẫn để việc áp dụng được thống nhất đối với khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015 theo hướng: “Người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong thời hạn sau đây”. □

MỘT SỐ BẤT CẬP...

(Tiếp theo trang 31)

đương sự được Tòa án triệu tập vắng mặt thì Tòa án thông báo kết quả phiên họp. Tuy nhiên, hiện nay Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng dân sự thì lại không có biểu mẫu thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, dẫn đến thực tế là có một số Tòa án thì gửi bản sao biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự hoặc ra thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng mỗi Tòa án lại có một biểu mẫu khác nhau. Chính vì vậy, theo chúng tôi đề đảm bảo tính thống nhất trong việc áp dụng pháp luật về việc gửi thông báo kết quả phiên họp cho đương sự thì Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bổ sung biểu mẫu kết quả

thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ngoài ra, đối với đương sự nào vắng mặt có liên quan đến vụ án thì pháp luật mới quy định việc gửi thông báo kết quả phiên họp. Bởi lẽ, trong một vụ án thì có thể có nhiều người tham gia tố tụng ví dụ như: Đương sự, người đại diện, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch... Tuy nhiên, một số người tham gia vụ án dân sự không phải là đương sự, không bị ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ tố tụng thì việc thông báo kết quả phiên họp chứng cứ cho họ là không có ý nghĩa. Mặt khác, để tránh thủ tục rườm rà, ít tốn kém cho Tòa án thì pháp luật nên quy định chỉ đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt thì Tòa án mới gửi thông báo kết quả phiên họp. Chính vì vậy, khoản 3 Điều 210 BLTTDS năm 2015 nên sửa đổi là “... *trường hợp đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự được Tòa án triệu tập...*”. Có như vậy thì mới giải quyết vụ án được nhanh chóng, tiết kiệm được thời gian và chi phí phát hành, gửi văn bản tố tụng cho đương sự của Tòa án. □